

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17-5-2023

*Về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đức Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Hùng

Ông Đặng Nam Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 03/2023/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 01 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Đoàn Thị Ái L**, sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ x, phường N quận L, thành phố Đ (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1984; Địa chỉ: thôn C, xã P, huyện H, thành phố Đ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2022, quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Đoàn Thị Ái L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị Ái L và ông Lê Văn T có tổ chức đám cưới từ năm 2009, và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 10/5/2013 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Đ (Giấy chứng nhận kết hôn số 57). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại phường H, quận L, thành phố Đ; vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình và quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Ông T thường xuyên ăn nhậu, không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng sống ly thân với nhau từ năm 2022 đến nay và không ai còn quan tâm đến ai; ông T về nhà mẹ ruột tại thôn C, xã P, huyện H, thành phố Đ từ đó đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải, khuyên can nhưng vẫn không đạt kết quả.

Nay bà L xác định không còn tình cảm thương yêu ông T, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho Bà được ly hôn với ông Lê Văn T.

- *Về con chung*: Bà L xác định bà và ông T có 03 (ba) người con chung là Lê Đoàn Bảo Tr, sinh ngày 15/11/2010; Lê Anh Q, sinh ngày 31/05/2014 và Lê Anh Th, sinh ngày 04/8/2016. Ly hôn, bà L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng ba người con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Bà L xác định không có.

- *Về nợ chung*: Bà L xác định không có.

** Bị đơn là ông Lê Văn T mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không có ý kiến, văn bản phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Ái L.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là bà Đoàn Thị Ái L đối với bị đơn là ông Lê Văn T về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*”.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử cho bà Đoàn Thị Ái L được ly hôn với ông Lê Văn T.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 03 (ba) người con là Lê Đoàn Bảo Tr, sinh ngày 15/11/2010; Lê Anh Q, sinh ngày 31/05/2014 và Lê Anh Th, sinh ngày 04/8/2016 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L xác định không có nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bà Đoàn Thị Ái L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra lại tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về thủ tục giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn là bà Đoàn Thị Ái L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông Lê Văn T có địa chỉ tại thôn C, xã P, huyện H, thành phố Đ. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn là ông Lê Văn T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là ông Lê Văn T.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị Ái L và ông Lê Văn T có tổ chức cưới hỏi vào năm 2009 và đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Đ vào ngày 10/5/2013. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi tổ chức cưới hỏi, kết hôn thì bà L và ông T chung sống và làm việc tại phường H, quận L, thành phố Đ. Bà L xác định trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, quan điểm sống, ông T thường xuyên ăn nhậu, không lo làm ăn và không quan tâm đến gia đình, vợ con. Để ổn định cuộc sống, bà Đoàn Thị Ái L đã làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn T.

Xét thấy: Mục đích hôn nhân chỉ có thể đạt được khi cả vợ và chồng cùng có ý thức và trách nhiệm trong việc xây dựng gia đình hạnh phúc. Theo biên bản xác minh tại nơi ông T cư trú thể hiện ông bà đã tự sống ly thân với nhau, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần, tạo điều kiện để vợ chồng ông bà trở về đoàn tụ, nhưng ông Lê Văn T đều vắng mặt, điều này thể hiện sự không mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình của ông T. Do đó, nguyện vọng yêu cầu được ly hôn để không ràng buộc bởi quan hệ pháp lý của bà Đoàn Thị Ái L là chính đáng và có

căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Lê Văn T không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà L nên Hội đồng xét xử không có cơ để xem xét.

[4] Về con chung: Bà L xác định bà và ông T có 03 (ba) người con chung là Lê Đoàn Bảo Tr, sinh ngày 15/11/2010; Lê Anh Q, sinh ngày 31/05/2014 và Lê Anh Th, sinh ngày 04/8/2016. Ly hôn, bà L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 03 người con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng một mặt phải căn cứ vào điều kiện kinh tế của mỗi bên cũng như xem xét tới nguyện vọng, quyền lợi mọi mặt của con chung. Theo bà L thì hiện nay bà đang trực tiếp nuôi dưỡng cả ba người con chung; tại biên bản xác minh nơi ông T cư trú thể hiện các con hiện đang do bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi được nuôi con của bà L cũng như nguyện vọng của các con Lê Đoàn Bảo Tr và Lê Anh Q là được ở với bà L nên cần giao cả 03 người con là Lê Đoàn Bảo Tr, sinh ngày 15/11/2010; Lê Anh Q, sinh ngày 31/05/2014 và Lê Anh Th, sinh ngày 04/8/2016 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành, ông T không cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Ông Lê Văn T không có ý kiến, nguyện vọng về vấn đề con chung nên Hội đồng xét xử không có sở để xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà Đoàn Thị Ái L xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà Đoàn Thị Ái L xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Đoàn Thị Ái L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Đoàn Thị Ái L về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*” đối với bị đơn là ông Lê Văn T

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đoàn Thị Ái L được ly hôn với ông Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao 03 (ba) người con là Lê Đoàn Bảo Tr, sinh ngày 15/11/2010; Lê Anh Q, sinh ngày 31/05/2014 và Lê Anh Th, sinh ngày 04/8/2016 cho bà Đoàn Thị Ái L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, ông Lê Văn T không cấp dưỡng nuôi con.

Các bên vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) bà Đoàn Thị Ái L phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà đã nộp theo biên lai thu số 0001509 ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Bà L đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết trích sao bản án.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND phường H, quận L, TP Đ (*Giấy CNKH số 57 ngày 10/5/2013*);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trịnh Đức Thiện

